TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 10-02-2022
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.
2. Bà Vũ Thị Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 19 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1979; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tạm trú: Thôn M, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh K vắng mặt lần 2 không có lý do, những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn K trước

khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 03/3/2011. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với bố mẹ chồng được khoảng 1 tuần thì chuyển về thôn Đ (nay là thôn Đ), xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương sinh sống cùng với mẹ chị, chị là giáo viên còn anh K là thợ xây. Khoảng năm 2014 anh K đi làm ăn xa, trong thời gian này anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nói với anh K và mong muốn được ly hôn với anh K, anh K xin lỗi chị mong chị tha thứ, vì nghĩ đến con và gia đình nên chị đã tha thứ cho anh K. Đến năm 2018 mẹ đẻ của chị có mua nhà và đất tại thôn M, xã V, huyện Tứ Kỳ nên vợ chồng chị đã được mẹ đẻ chị cho vợ chồng ở nhờ nhà và đất này. Năm 2020 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần như vậy anh K lại đánh chị sưng tím mặt, nhiều lần chị đã báo với chính quyền địa phương, lãnh đạo thôn đến để giải quyết nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh K lại tiếp tục đánh chị. Có lần anh K còn đánh và đuổi chị ra khỏi nhà chị đã báo với Công an xã đến giải quyết, Công an xã đã mời anh Khải đến trụ sở UBND xã để làm việc, khi về anh K còn liên tục chửi bới, nhắn tin đe dọa chị, khiến chị sợ hãi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho tới nay, khi chị nộp đơn xin ly hôn với anh K thì anh K đe dọa chị bắt chị phải rút đơn, nhưng chị xác định không thể tiếp tục chung sống được với anh K nên không đồng ý rút đơn, ngày 18/12/2021 chị đã về nhà mẹ đẻ chị để ở cho tới nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là Phạm Tùng D, sinh ngày 14/01/2012 hiện con đang ở cùng với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn là anh Phạm Văn K trình bầy: Về điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng, vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 do công việc của anh gặp khó khăn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, đánh nhau, chị H đã có lời lẽ xúc phạm tới anh, nên anh đã đánh chị H, chị H đã báo với chính quyền địa phương để giải quyết hòa giải cho anh chị. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện chị H để lại con cho anh nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh và chị H có một con như chị H trình bày là đúng, ly hôn anh đề nghị được nuôi con và yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, hiện tại anh lao động tự do thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K: Tại biên bản xác minh ngày 23/12/2021, đại diện lãnh đạo xã V cùng các

đoàn thể và lãnh đạo thôn M, xã V xác nhận: Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng thường xuyên va chạm hay đánh cãi chửi nhau, anh K thường hay đánh chị H, còn đe dọa mua xăng đốt nhà do vậy chị H sợ hãi nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở từ ngày 18/12/2021 cho tới nay. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp có căn cứ cho ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn.

Người làm chứng ông Phạm Văn H là bố đẻ của anh K trình bày: Sau ngày cưới vợ chồng anh K chung sống với ông được khoảng 1 tháng thì vợ chồng chuyển về chung sống cùng với mẹ chị H ở thôn Đ, xã T, huyện Tứ Kỳ sinh sống, chị H là giáo viên còn anh K là thợ xây, vợ chồng ở cùng với mẹ chị H được khoảng vài năm thì chuyển về thôn M, xã V, huyện Tứ Kỳ sinh sống. Quá trình chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là chị H cư xử không khéo léo, không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh K, quan điểm của ông và gia đình mong muốn chị H và anh K đoàn tụ để nuôi dạy con cái, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Đinh Thị T là mẹ đẻ của chị H trình bày: Vợ chồng chị H, anh K chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Gia đình đã nhiều lần tham gia nhưng vẫn không được. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ khi bà mua đất tại thôn M, xã V và đã cho vợ chồng ở nhờ, mà không sang tên cho vợ chồng chị H, nên anh K không thoải mái và đánh chị H, còn xúc phạm với gia đình bà thậm chí còn mang xăng xuống gia đình bà đe dọa đốt nhà, khi chị H xin ly hôn anh K thì anh K luôn đe dọa chị H nên bà phải nên ở cùng với mẹ con chị H, khi bà lên ở cùng thì anh K uống rượu, đe dọa chém giết bà và chị H nên bà và mẹ con chị H phải sang hàng xóm ở nhờ. Do sợ anh K đánh nên ngày 18/12/2021 mẹ con chị H và đã về nhà bà để ở. Nay chị H xin ly hôn với anh K, quan điểm của bà xác định do hai bên sống không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hiền được ly hôn với anh Khải, gia đình bà sẽ tạo điều kiện về nơi ở và vật chất cho mẹ con chị H.

Con Phạm Tùng D nguyện vọng muốn được ở với chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12 tháng 01 năm 2022, bị đơn là anh Phạm Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh K và đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Anh K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xét xử tại Tòa đã thực hiện đúng trình tự theo luật định. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về xin ly hôn Phạm Văn K; về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Tùng D, sinh ngày 14/01/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ kho¶n 2 §iÒu 227; kho¶n 1 §iÒu 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 03/3/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi chửi nhau, anh K đánh chị, xúc phạm chị và gia đình chị, chị xác định không thể tiếp tục chung sống được với anh K nên đã làm đơn xin ly hôn với anh K, anh K đe dọa mua xăng đốt nhà nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 18/12/2021 cho tới nay. Còn anh K cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chị H có lời lẽ xúc phạm tới anh nên anh đánh chị H.

Tuy nhiên, chị H xin ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn với lý do không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của con. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh K không muốn ly hôn với chị H, nhưng anh K cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H, thực tế vợ chồng đã sống ly thân với nhau, lý do anh K không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của con là không chính đáng, không có cơ sở chấp nhận; anh K đồng ý ly hôn với chị H với điều kiện chị H giao con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng là gây khó khăn cho chị H.

Như vậy, trong cuộc sống thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các điều 51, 56 của Luật

hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Tùng D, sinh ngày 14/01/2012 hiện con đang ở cùng với chị H. Chị H, anh K đều đề nghị được trực tiếp nuôi con cho đến khi trưởng thành, chị H nuôi con tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con; anh K yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung của anh chị đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ dành cho con. Hiện tại chị H là giáo viên còn anh K lao động tự do, cả hai có thu nhập ổn định, chị H được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở. Trong vụ án này, cháu Phạm Tùng D không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện nuôi con) nhưng ở lứa tuổi này cháu vẫn còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ và chị H là người có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, nguyện vọng của cháu muốn được ở với chị H. Tại khoản 4 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm...giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ". Như vậy, việc giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục không chỉ đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu D mà còn giúp đỡ chị H thực hiện tốt thiên chức cao cả của người mẹ là được trực tiếp nuôi dưỡng, dậy dỗ con cái, điều đó hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Tùng D, sinh ngày 14/01/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004320 ngày 18/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA DS huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tú